

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2018/DS-ST**

Ngày 28-8-2018

v/v: Tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình;
2. Ông Nguyễn Văn Anh;

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Văn Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2018/TLST- DS, ngày 14/5/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/QĐXXST-DS ngày 01/8/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2018/QĐST-DS, ngày 16/8/2018; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1967. Có mặt

Trú tại: Số 134 Ngô Gia Tự, khu phố 7, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1979, Có mặt

Trú tại: Số 119 Nguyễn Thị Định, khu phố 7, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Võ Thành Đ1**, sinh năm 1966 (Chồng bà L) – Vắng mặt.

Trú tại: Số 134 Ngô Gia Tự, khu phố 7, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Ông **Bùi Văn Đ2**, sinh 1970. Vắng mặt.

Trú tại: Số 119 Nguyễn Thị Định, khu phố 7, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2018, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày: Trong năm 2016 bà Nguyễn Thị T tham gia chơi hụi cho bà Phạm Thị L làm chủ, dây hụi này có 15 người chơi, mỗi tháng một người đóng 3.000.000 đồng. Sau khi đóng hụi được một thời gian, thì bà T hốt hụi với số tiền 32.400.000 đồng. Mặc dù trong đơn khởi kiện bà L yêu cầu bà T trả 32.400.000 đồng, nhưng trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa bà L chỉ yêu cầu vợ chồng bà T trả số nợ trong dây hụi này là 7.800.000 đồng và yêu cầu tính lãi mức 10%/năm kể từ ngày nộp đơn khởi kiện tại Tòa án (03/5/2018) cho đến nay. Ngoài ra tại bản khai, quá trình hòa giải bà L khai: ngày 11/6/2016 âm lịch bà L có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ, dây hụi này có 17 người tham gia, mỗi tháng 01 người đóng 2.000.000 đồng. Dây hụi này bà L đã đóng cho bà T đủ 16 tháng là 32.000.000 đồng. Sau khi đóng hụi xong, trừ tiền huê hồng, lẽ ra bà L phải được hốt số tiền 31.600.000 đồng, nhưng do bà T bị vỡ hụi, nên bà T không chịu trả tiền hụi cho bà L. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chúng cứ do nguyên đơn đưa ra là 01 tờ giấy viết tay có nội dung: “T có hốt hụi chị L ngày 14 tháng 9 năm 2016 số tiền là 32.400.000 đồng ” và có chữ Nguyễn Thị T.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/6/2018, quá trình hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T bắt đầu tham gia chơi hội do bà L làm chủ từ năm 2015. Hai dây hội đầu tiên, sau khi hốt hội, thì bà T đóng tiền hội chết cho bà L đầy đủ. Trong dây hội thứ ba bắt đầu chơi ngày 10/3/2016 âm lịch, có 24 người tham gia, mỗi tháng một người đóng 3.000.000 đồng. Dây hội ngày bà T đã hốt hội và còn nợ lại chỗ bà L 4 tháng hội chết là 12.000.000 đồng. Đến tháng 10/2017 âm lịch bà T mượn của bà Xuyến 3.200.000 đồng trả cho bà L (bà L lấy tiền trực tiếp từ bà Xuyến); đến cuối tháng 12/2017 âm lịch bà T có trả thêm cho bà L 1.000.000 đồng, như vậy bà T chỉ còn nợ bà L số tiền hội là 7.800.000 đồng. Nay bà T đồng ý trả cho bà lý số tiền này và tiền lãi theo như yêu cầu của bà L.

Tình tiết trong vụ án các bên thống nhất: Bà T còn nợ bà L số tiền hội là 7.800.000 đồng, trong dây hội do bà L làm chủ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận:

Phần thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng Bộ luật tố tụng dân sự khi tiến hành xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân thủ các quy định của pháp luật.

Phần nội dung: Tòa án xác định đúng quan hệ tranh chấp. Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, thể hiện: Trong năm 2016 bà T tham gia chơi hội do bà L làm chủ, sau khi hốt hội bà T còn nợ bà L 7.800.000 đồng. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà T trả cho bà L 7.800.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ hui do nguyên đơn làm chủ hui thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số nợ hui 31.600.000 đồng trong dây hui do bị đơn làm chủ hui là không thuộc phạm vi khởi kiện. Vì đơn khởi kiện của nguyên đơn không yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết nội dung này, tại phiên tòa nguyên đơn cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ này. Do đó, hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này là phù hợp với khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không có lý do, nên xét xử vắng mặt họ, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Xác định đây là quan hệ tranh chấp về hui. Giao dịch dân sự (hui) giữa các bên được xác lập trong năm 2016 và chấm dứt vào năm 2018. Tuy nhiên, giao dịch về hui quy định trong Bộ luật dân sự năm 2005 có một phần nội dung khác với quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015 (quy định về lãi suất), nên cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là phù hợp.

[3] Xét về yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L buộc bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn Đ2 phải trả số tiền hui trong dây hui do bà L làm chủ hui, còn bà T là người tham gia chơi hui, Hội đồng xét xử nhận định: Trong quá trình hòa giải thì bà L và bà T đều thống nhất bà T còn nợ bà L số tiền hui là 7.800.000 đồng, nhưng do vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nên Tòa án không thể ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự được. Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn Đ2 phải trả cho bà Phạm Thị L và ông Võ Thành Đ1 (chồng bà L) số tiền hui 7.800.000 đồng là phù hợp Điều 479, Bộ luật dân sự năm 2005. Việc tham gia chơi hui của bà T là nhằm mục đích chăm lo cho gia đình, nên buộc ông Bùi Văn Đ2

chồng bà T cùng chịu trách nhiệm là phù hợp Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa bà L yêu cầu bà T tính lãi 10%/năm đối với số tiền 7.800.000 đồng, kể từ ngày nộp đơn khởi kiện (3/5/2018) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, đồng thời bà T chấp nhận yêu cầu này của bà L. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về yêu cầu của bà L buộc vợ chồng bà T trả số tiền hui 31.600.000 đồng, trong đây hui do bà T làm chủ hui, còn bà L là người tham gia chơi hui, thì thấy rằng: Đây là một giao dịch dân sự không liên quan đến nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã nêu trong đơn khởi kiện- Tức là yêu cầu này của nguyên đơn không nằm trong phạm vi đơn khởi kiện. Đồng thời tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nội dung này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nguyên đơn được quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu này trong một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Buộc bà T và ông Đ2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn Đ2 phải trả cho bà Phạm Thị L và ông Võ Thành Đ1 số tiền 8.047.000 đồng (Tám triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn đồng); trong đó nợ hui là 7.800.000 đồng và 247.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bà L và ông Đ1 có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền trên, thì bà T và ông Đ2 phải chịu lãi suất chậm thi hành là 10%/năm, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, cho đến khi thi hành xong số tiền trên.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn Đ2 phải chịu 402.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Phạm Thị L 810.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018414 ngày 14/5/2018.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 28/8/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
VKSND huyện;
-THADS huyện;
-Các đương sự;
-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái